

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2024/DS-ST**

Ngày: 12 – 9 - 2024

“V/v Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và ông Trần Đại Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 98/2024/TLST-DS ngày 14/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 03/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-DS ngày 24/7/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 12/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tâm H, sinh năm 1973; địa chỉ: A T, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Thị L do người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Tâm H trình bày: Theo nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện thì giữa bà L và ông Nguyễn Văn D quen biết nhau do mua bán hàng. Vợ chồng ông D bỏ bánh kẹo cho bà L bán trong một vài năm nên cũng thân thiết. Ông D đã mượn của bà L tổng cộng số tiền 1.600.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền bản gốc, cụ thể: ngày 07/8/2020, số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 15/8/2020, số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Ngày 17/8/2020, số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Ngày 21/8/2020, số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); ngày

27/8/2020, số tiền 100.000.000đ; Ngày 24/8/2020, số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Ngày 31/8/2020, số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 15/9/2020, số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); ngày 22/9/2020, số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Các giấy mượn tiền này, bà L cam kết đều do ông D viết và ký ra.

Trong đơn khởi kiện, bà L yêu cầu vợ chồng ông D phải trả nợ. Tuy nhiên, chỉ có ông D mượn, ông D viết và ký vào các giấy mượn tiền nên chỉ yêu cầu ông D trả nợ. Trong đơn khởi kiện và các giấy mượn tiền thì ghi tổng số tiền mượn là 1,6 tỷ đồng. Bà Trần Thị L thừa nhận ông Nguyễn Văn D đã trả 550.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 1.050.000.000 đồng. Để tạo niềm tin, ông D có đưa cho bà L 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017643 (Bản chính), số xe 78A-071.72. Từ khi bà L khởi kiện tại Tòa án đến nay thì ông D không liên hệ trả nợ cho bà L. Do đó, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông D phải trả nợ gốc là 1.050.000.000 đồng và lãi tính từ ngày Tòa án nhận đơn kiện cho đến khi ông D trả nợ xong. Lãi suất yêu cầu là 10%/năm theo quy định pháp luật.

***Bị đơn Nguyễn Văn D vắng mặt, không có trình bày:**

*Tại biên bản xác minh tại Công an xã B xác định: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện nay, ông D không có mặt tại địa phương.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Nguyễn Văn D vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn Trần Thị L giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn Nguyễn Văn D phải trả số tiền 1.050.000.000 đồng. Rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Văn D vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Văn D có nghĩa vụ phải trả số nợ gốc 950.100.000 đồng, còn lại số nợ ngày 27/8/2020, theo giấy mượn tiền chỉ có số 100.000 nên chỉ đề nghị chấp nhận số tiền 100.000 đồng về mặt số học, không chấp nhận số tiền 99.900.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi thì nguyên đơn xin rút lại nên đề nghị đình chỉ xét xử. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Toà án: Nguyên đơn Trần Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn D trả nợ. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Văn D có địa chỉ tại Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tố tụng của bị đơn: Nguyên đơn Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984, địa chỉ tại thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên trả nợ. Xét giấy mượn tiền ngày 21/8/2020 và ngày 15/9/2020 ghi Nguyễn Văn D, sinh năm 1980. Nguyên đơn khẳng định bị đơn là ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984. Toà án tiến hành xác minh tại Công an xã B, thành phố T xác định tại địa bàn thôn L, xã B có ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984, không có ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980, cũng phù hợp với kết quả xác minh tại Ngân hàng về việc bị đơn Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 chuyển trả bà Trần Thị L số tiền 550.000.000 đồng. Do đó, xác định ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984, địa chỉ tại Thôn L, xã B, thành phố T là bị đơn trong vụ án này.

[3] Toà án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Văn D vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Văn D vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[4] Xét các giấy mượn tiền bản gốc do nguyên đơn Trần Thị L cung cấp cho Toà án thể hiện: Ngày 07/8/2020, số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 15/8/2020, số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Ngày 17/8/2020, số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Ngày 21/8/2020, số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Ngày 24/8/2020, số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Ngày 31/8/2020, số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 15/9/2020, số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); ngày 22/9/2020, số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Nguyên đơn L cam kết các giấy mượn tiền đều do bị đơn viết và ký. Bị đơn không đến Toà trình bày cũng như không có ý kiến về số nợ vay giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị L đối với số tiền 1.500.000.000 đồng nêu trên.

[5] Riêng đối với nội dung nợ tiền ngày 27/8/2020: Nguyên đơn trình bày ngày 27/8/2020, nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không phải 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, xét bản gốc giấy mượn tiền ngày 27/8/2020 chỉ ghi nội dung: D lấy 100.000, ngoài ra không có số tiền ghi bằng chữ. Bị đơn Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày đối với số tiền vay cũng như ý kiến về các giấy nhận nợ. Như vậy, về số học thì chỉ xem xét chấp nhận cho nguyên đơn số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 99.900.000 đồng vì không có căn cứ. Do đó, tổng số tiền bị đơn Nguyễn Văn D

nợ nguyên đơn Lầu là 1.500.100.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu, một trăm nghìn đồng).

[6] Nguyên đơn Trần Thị L cung cấp sao kê của Ngân hàng TMCP C từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/11/2020 thể hiện ngày 12/11/2020, bị đơn Nguyễn Văn D đã trả cho nguyên đơn Trần Thị L số tiền 550.000.000 đồng. Ngày 12/9/2024, Ngân hàng TMCP C có văn bản số 982/CNPY-TCTH kèm theo giấy báo có chuyển tiền của ông Nguyễn Văn D từ Ngân hàng TMCP S nộp vào tài khoản của bà Trần Thị L số tiền 550.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP S cũng xác nhận ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 tại Thôn L, xã B, thành phố T là người chuyển số tiền 550.000.000 đồng cho nguyên đơn Trần Thị L. Như vậy, đủ cơ sở để xác định bị đơn Nguyễn Văn D đã trả nợ được cho bà Trần Thị L số tiền 550.000.000 đồng vào ngày 12/11/2020. Từ thời gian đó đến nay, bị đơn D không tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn Trần Thị L nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, buộc bị đơn D còn phải trả cho nguyên đơn L số tiền 950.100.000đ (Chín trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng).

[7] Lãi suất đối với số tiền 950.100.000đ: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện cho đến khi trả nợ xong, lãi suất yêu cầu là 10%/năm. Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày rút lại yêu cầu tính lãi không yêu cầu giải quyết. Xét việc rút yêu cầu là tự nguyện nên chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Trần Thị L.

[9] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[10] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L; buộc bị đơn Nguyễn Văn D phải trả cho nguyên đơn số tiền 950.100.000 đồng (*Chín trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng*). Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Trần Thị L. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị L đối với yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn D phải trả số tiền 99.900.000 đồng vì không có căn cứ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Văn D phải chịu 40.503.000 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm lẻ ba nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Trần Thị L phải chịu 4.995.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 21.750.000 (*Hai mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0002519 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên. Bà Trần Thị L được hoàn lại số tiền 16.755.000 đồng (*Mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đại Minh

Lê Nghĩa

Đặng Thị Ngọc Uyên

